

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Giấy xác nhận số 48/XN-KCNĐN ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh xác nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất chi tiết cơ khí chính xác với quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm (tương đương 950 tấn sản phẩm/năm), trong quá trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ”;

Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM tại Văn bản số 01/2024 ngày 12 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất chi tiết cơ khí chính xác với quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm tương đương 950 tấn sản phẩm/năm, trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ” và Văn bản số 03/CVMT-GT ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất chi tiết cơ khí chính xác với quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm tương đương 950 tấn sản phẩm/năm, trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ” tại đường số 6, Khu Công nghiệp An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và các hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành tại Tờ trình số 1980/TTr-TNMT ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Văn bản số 07/TNMT-MTKS ngày 02 tháng 01 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM, địa chỉ tại đường số 6, Khu Công nghiệp An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất chi tiết cơ khí chính xác với quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm tương đương 950 tấn sản phẩm/năm, trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ” tại đường số 6, Khu Công nghiệp An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất chi tiết cơ khí chính xác với quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm tương đương 950 tấn sản phẩm/năm, trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ”.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại đường số 6, Khu Công nghiệp An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3602903244 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 08 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 03 năm 2020 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7683731724 chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

1.4. Mã số thuế: 3602903244.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất chi tiết cơ khí chính xác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng của cơ sở là 14.700 m²

- Quy mô: Cơ sở nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: Sản xuất chi tiết cơ khí chính xác với quy mô 1.500.000 sản phẩm/năm tương đương 950 tấn sản phẩm/năm, trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp An Phước; vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý khí thải bảo đảm khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 11 tháng 01 năm 2025 đến ngày 11 tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã An Phước;
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;
- Lưu: VT - NN (PTN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Thân

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 107.../GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phước, không xả ra môi trường).

Công ty đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp An Phước với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa theo Hợp đồng số 08/HĐNT.AP ngày 29 tháng 01 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSM thuê lại đất của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại cơ sở, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phước.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hố ga đầu nối

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên và bếp ăn với lưu lượng 8,04 m³/ngày được thu gom theo về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý, sau đó thoát ra hố ga đầu nối nước thải của Khu Công nghiệp An Phước, dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung xử lý đạt cột A, Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$ trước khi thải ra Suối Nước Trong.

Nước thải sản xuất là từ hệ thống làm mát (có chứa nước tưới nguội cho công đoạn làm mát + dầu máy) máy tiện, máy phay với lưu lượng là 2,02 m³/ngày.đêm, lượng nước thải này sẽ được tái sử dụng và định kỳ thu gom thải bỏ 1 năm/lần, sau đó sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1 Thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Thiết bị xử lý nước thải bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 45 m³.

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải từ quá trình vệ sinh của công nhân viên và nước thải từ quá trình nấu cơm → Đường ống uPVC D400mm (Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng) → Đường ống uPVC

D600mm → Hồ gas thoát nước thải → Đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp An Phước.

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại 3 ngăn thể tích 45 m³.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2 Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải từ hệ thống làm mát (có chứa nước tưới nguội cho công đoạn làm mát + dầu máy) máy tiện, máy phay → chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ ga, bể lắng để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước, vệ sinh song chắn rác và giám sát chất lượng nước thải sau xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình. Công nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp An Phước, không xả trực tiếp ra môi trường; Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp An Phước để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1.07...../GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực hoạt động của máy phay;
- Nguồn số 02: Khu vực hoạt động của máy tiện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ: X= 1199904,6; Y = 413225,3;
- Nguồn số 02: tọa độ: X= 1199888,4; Y =413227,8.

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Phân bố các nguồn gây ồn cao ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý.
- Lắp đặt các đệm cao su cho máy móc thiết bị phát sinh độ rung cao.

- Tăng cường các vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc thiết bị có thể gây ồn lớn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác.

- Trang bị nút tai chống ồn và các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc ở khu vực sản xuất và có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân (đặc biệt lưu ý kiểm tra chặt chẽ tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao).

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT) và độ rung (Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 107.../GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/g/bùn)	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu
1	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	6.098	KS
2	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	7.600	NH
3	Nhũ tương thải không có Clo	Lỏng	17 01 03	23.600	NH
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	2.574	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang thải ^(NH)	Rắn	16 01 06	10	NH
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	36	NH
7	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Phoi gang dính dầu)	Rắn	07 03 11	604.916	KS
TỔNG KHỐI LƯỢNG				644.834	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần chất thải rắn thông thường	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu
1	Sắt, thép phế liệu	Rắn	18 01 08	487.098	TT-R
2	Nhựa phế liệu	Rắn	11 02 04	75.734	TT-R
3	Gang phế liệu	Rắn	11 04 03	583.318	TT-R
4	Giấy carton phế liệu	Rắn	18 01 05	1.074	TT-R
5	Nylon sạch phế liệu	Rắn	18 01 11	200	TT-R
TỔNG KHỐI LƯỢNG				1.147.424	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	16.821
	- <i>Chất thải rắn thực phẩm</i>	-	15.600
	- <i>Chất thải rắn có thể sử dụng tái chế</i>	-	366,3
	- <i>Chất thải rắn sinh hoạt khác</i>	-	854,7
Tổng cộng			16.821

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng chứa dung tích 120 lít, 02 thùng chứa 200 lít, 25 thùng chứa 1000 lít bằng nhựa HDPE.

2.1.2. Khu lưu chứa:

+ Diện tích: 60 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: khu vực lưu chứa trong nhà:

o Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn;

o Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ như cát khô và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 05 Thùng chứa dung tích 1000 lít bằng nhựa HDPE.

2.2.2. Khu lưu chứa:

+ Diện tích: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường trong kho nhà xưởng: có diện tích: 40 m², được bố trí mái tôn, có gờ chắn bao quanh, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; nền bê tông kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải lưu giữ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít (06 thùng) bằng nhựa HDPE.

+ Diện tích: 3 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái tôn che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ gờ bao vức, nền bê tông cốt thép, tường gạch cao 2,5 m, có gờ chắn bao quanh, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; nền bê tông kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn lưu giữ.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 107.../GPMT-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Hoạt động đúng ngành đã đăng ký thực hiện cơ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7683731724 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 26/12/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 14/01/2020.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp An Phước.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

12. Tiếp tục triển khai các hạng mục công trình sản xuất, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất chi tiết cơ khí chính xác và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường tương ứng; đảm bảo tổng công suất của các mục tiêu không vượt quá công suất đã đăng ký ban đầu (*950 tấn sản phẩm/năm*) theo Giấy xác nhận số 48/XN-KCNĐN ngày 10 tháng 04 năm 2018 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.